

Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ

Thái Hoà, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1977

Trú tại: Khôi Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT: Khôi Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Khôi T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đức T và chị Lê Thị Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Lê Thị Đ thống nhất, thuận tình ly hôn vì tình cảm không còn.

Giao cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 (một) con chung là Nguyễn Viết T, sinh ngày 14/11/2005 cho đến tuổi trưởng thành.

Giao cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 (một) con chung là Nguyễn Viết K, sinh ngày 07/3/2014 cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng để cùng chị Đ nuôi dưỡng cháu K. Thi hành từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu K trưởng thành.

Anh Nguyễn Đức T và chị Lê Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

\* Về quan hệ tài sản: anh Nguyễn Đức T và chị Lê Thị Đ đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Đức T thỏa thuận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000451 ngày 05/12/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa. Trả lại cho anh T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## **Thẩm phán**

### ***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Q, thị xã T để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn ngày 11/3/2005);
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Đình Sơn**

